TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2018/DS-ST
Ngày: 29/5/2018
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường

2. Bà Nguyễn Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2017, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2017/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn : Chị Mai Thị Phương T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: số nhà 153, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

2/. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;
Địa chỉ: số nhà 155, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1975;
Địa chỉ: số nhà 155, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017, tờ tường trình ngày 02/02/2018 và biênbản lấy lời khai ngày 10/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Phương T trình bày: Chị Mai Thị Phương T có tham gia hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ hụi, các dây hụi gồm:

Dây hụi thứ nhất: hụi 1.000.000 đồng, khui 01 tháng 01 lần, gồm 30 phần, khui lần đầu ngày 20/01/2012 (âl) chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng 21 lần hụi sống, chị T chưa hốt hụi thì chị H bể hụi và còn nợ lại chị T số tiền hụi là 21.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: hụi 1.000.000 đồng, khui 02 tháng 01 lần, gồm 22 phần, khui lần đầu ngày 20/11/2011 (âl) chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng 12 lần hụi sống, chị T chưa hốt hụi thì chị H bể hụi và còn nợ lại chị T số tiền hụi là 12.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: hụi 500.000 đồng, khui 01 tháng 01 lần, gồm 31 phần, khui lần đầu ngày 20/6/2011 (âl) chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng 27 lần hụi sống, chị T chưa hốt hụi thì chị H bể hụi và còn nợ lại chị T số tiền hụi là 13.500.000 đồng.

Ngày 24/6/2014 chị H viết giấy tổng kết nợ chị T số tiền 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) hứa đến năm 2016 sẽ trả xong nhưng sau đó chị T nhiều lần đến yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay chị Mai Thị Phương T yêu cầu chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc N liên đới trả số tiền hụi còn thiếu là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). (Chị T xét hoàn cảnh khó khăn nên giảm phần lẻ cho chị H, anh N)

Theo nội dung bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 02/01/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H có làm chủ nhiều dây hụi, chị T có tham gia hụi của chị H theo các dây hụi mà chị T trình bày là đúng, do bị các thành viên khác không đóng hụi nên chị H bị mất khả năng thanh toán hụi cho chị T. Nay chị H thừa nhận còn nợ tiền hụi của chị T số tiền là 46.500.000 đồng nay chị T chỉ yêu cầu chị H trả số tiền là 46.000.000 đồng nên chị H cũng đồng ý trả cho chị T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị H xin được trả dần, mỗi tháng trả 600.000 đồng cho cả bốn hụi viên, trong đó trả cho chị T số tiền là 150.000 đồng/tháng.

Anh Nguyễn Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án ngày 06/02/2018 và Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 06/02/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc N trình bày: anh và chị H là vợ chồng, anh có biết việc chị H làm chủ hụi nhưng anh không tham gia làm hụi cùng chị H, anh không đồng ý cho chị H làm hụi. Việc chị H làm hụi không có đóng góp chi tiêu cho gia đình, do đó anh N không đồng ý liên đới với chị H để trả nợ hụi cho chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp.

Về nội dung: Đề nghị Hội dồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc N liên đới trả cho chị T số tiền hụi còn thiếu là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 chị Mai Thị Phương T tranh chấp dân sự về hụi đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc N có cùng địa chỉ số nhà 155, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xác định chị Mai Thị Phương T là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H là bị đơn và anh Nguyễn Ngọc N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Xét sự vắng mặt của anh Nguyễn Ngọc N, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là phù hợp Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn chị Mai Thị Phương T yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc N liên đới trả cho chị T số tiền hụi còn thiếu là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Nguyên đơn chị Mai Thị Phương T và bị đơn chị Nguyễn Thị H có lời khai thống nhất, xác định chị T có tham gia 03 dây hụi do chị H làm chủ hụi. Tất cả các dây hụi là hụi có lãi, khi hụi viên hốt hụi chủ hụi được hưởng hoa hồng. Đến ngày 24/6/2014 chị H viết giấy tổng kết còn nợ chị T số tiền 46.500.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) hứa đến năm 2016 sẽ trả xong nhưng sau đó chị T nhiều lần đến đòi nợ nhưng chị H hứa hẹn hoài mà không thực hiện.

Khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *" Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là hụi) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên."*

Tại phiên tòa chị H đề nghị được trả số tiền hụi còn nợ cho chị T theo phương thức trả dần, mỗi tháng trả 600.000 đồng cho cả bốn hụi viên, mỗi hụi viên 150.000 đồng. Chị T không đồng ý với đề nghị trả dần của chị H, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

Theo nội dung Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án ngày 06/02/2018 và Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 06/02/2018 anh N khai anh và chị H là vợ chồng, anh có biết việc chị H làm chủ hụi nhưng anh không tham gia làm hụi cùng chị H, anh không đồng ý nên có ngăn cản chị H làm hụi, việc chị H làm hụi không có đóng góp chi tiêu cho gia đình. Tuy nhiên, theo lời khai của chị H và lời khai của những người làm chứng trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa thể hiện anh N hoàn toàn biết việc chị H

làm chủ hụi vì các kỳ khui hụi đều tổ chức ngay tại nhà anh, chị, chị H đã làm chủ hụi một thời gian dài từ năm 2011 đến năm 2014, trong những lần chị H vắng nhà thì anh N nhận tiền góp hụi của hụi viên và giao lại cho chị H. Thu nhập của anh N không ổn định nên không đủ chăm lo cho gia đình, thu nhập của chị H có được từ việc tham gia làm chủ hụi dùng để trang trải sinh hoạt trong gia đình, lo cho hai con ăn học. Qua đó, thấy rằng anh N là chồng chị H, biết rõ việc chị H làm chủ hụi, có tham gia giúp đỡ chị H trong quá trình làm hụi cụ thể anh N nhận tiền góp hụi của hụi viên và giao lại cho chị H khi chị H vắng nhà, do đó, có cơ sở xác định trách nhiệm liên đới của anh N và chị H trong nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

Theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình..."*.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và yêu cầu khởi kiện của chị T là buộc chị H và anh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng) cho chị T là hoàn toàn có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: chị H và anh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử**:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Phương T về việc "Tranh chấp về hụi" với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc N.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Mai Thị Phương T số tiền nợ hụi là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc N phải chịu 2.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Mai Thị Phương T 1.162.500 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 02746 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH PHONG